

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/DS-PT

Ngày: 30 - 12 - 2022

*V/v "Tranh chấp Hợp đồng thế chấp
tài sản, Hợp đồng tín dụng, yêu cầu
xử lý tài sản thế chấp của bên thứ ba
và Yêu cầu bồi thường thiệt hại"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dương Viết Hải

Các thẩm phán: Ông Hoàng Quảng Lực và ông Trần Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 30 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42 /2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng thế chấp tài sản; Tranh chấp hợp đồng tín dụng, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của bên thứ ba và yêu cầu bồi thường thiệt hại”. Do Bản án sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới bị nguyên đơn bà Lê Thị Ánh Ng kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2088/2022/QĐXX-DS ngày 12/9/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ánh Ng, sinh năm: 1957; địa chỉ cư trú: Số 60B đường L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Bị đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV); địa chỉ: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh B - Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển chi nhánh Quảng Bình (văn bản ủy quyền số 804/QĐ-BIDV ngày 22/8/2019 của Chủ tịch HĐQT).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hà Đức T - Trưởng phòng quản lý rủi ro BIDV chi nhánh Quảng Bình; địa chỉ: Số 189 đường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (văn bản ủy quyền số 793/QĐ-BDIV.QB ngày 02/7/2021 của Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển chi nhánh Quảng Bình), có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH V; địa chỉ: Số 60B Lý Thường K, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Chí D - Giám đốc (ông D chết ngày 31/3/2021).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông D và Công ty TNHH V gồm: Bà Lê Thị Ánh N (là vợ ông D); chị Lê Thị Hồng Ph (là con đẻ của ông D), sinh năm: 1983; chị Lê Thị Hồng Ch, sinh năm: 1987 (là con đẻ của ông D), chị Lê Thị Hồng Ch đã ủy quyền cho chị Lê Thị Hồng Ph tham gia tố tụng (theo giấy ủy quyền ngày 04/5/2021); địa chỉ: Số 60B Lý Thường K, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, bà Ng, chị Ph và chị Ch đều có mặt.

2. Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Bình; địa chỉ: Đường Quang Tr, phường H (nay là phường Đ), thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện theo pháp luật hiện nay: Ông Từ Minh L - Trưởng phòng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Đức H - Chuyên viên (giấy ủy quyền số 63/GUQ-PCC ngày 07/5/2021), vắng mặt.

3. Bà Hoàng Thị Lệ H - Nguyên Công chứng viên, Trưởng Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Bình; địa chỉ: Đường Quang Tr, phường H (Nay là phường Đ), thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Phan Đức H (giấy ủy quyền ngày 05/5/2021), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/02/2020, bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Ánh Ng trình bày: Chồng bà là ông Lê Chí D - Giám đốc, Công ty TNHH V, có trụ sở tại địa chỉ: số nhà 60B, đường Lý Thường K, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Năm 2016, Ông D bị bệnh nặng về não, không nhận thức được mọi việc, không làm chủ được bản thân, cuộc sống phải có người chăm sóc. Vì vậy, theo yêu cầu của con gái vợ chồng bà là chị Lê Thị Hồng Ph. Ngày 12/11/2019 Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đã có Quyết định số 20/2019/QĐST-VDS tuyên bố ông Lê Chí D mất năng lực hành vi dân sự và cử người đại diện theo pháp luật là con gái Lê Thị Hồng Ph.

Sau khi ông D bị đau ốm, Công ty do ông làm Giám đốc phải tạm dừng hoạt động. Trong tình hình đó, thời gian gần đây, bà Ng được cán bộ của Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quảng Bình thông báo cho gia đình bà được biết sẽ phát mãi tài sản là nhà và đất của vợ chồng tại số nhà 60B, đường Lý Thường K, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình để bán và thu hồi nợ do Công ty vay tại Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng mà Công ty đã ký với Ngân hàng, với lý do tài sản này đã được vợ chồng bà thế chấp tại Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quảng Bình để cho Công ty TNHH V vay vốn theo Hợp đồng thế chấp số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010.

Do quá bất ngờ, nên bà Ng yêu cầu phía Ngân hàng cho xem tất cả hồ sơ thế chấp vay vốn. Qua xem xét Hợp đồng thế chấp số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010 của Ngân hàng cung cấp và bản gốc tìm lại được tại Công ty, thấy rằng: Nội dung hợp đồng thế chấp nêu trên có chữ ký của người thế chấp là ông Lê Chí D và bà Lê Thị Ánh Ng; bên nhận thế chấp là Phòng giao dịch Nguyễn Trãi - Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quảng Bình; bên vay vốn là Công ty TNHH V. Nội dung thế chấp: Bên thế chấp đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ 48, diện tích 128,7 m² đất ở, tài sản trên đất là ngôi nhà 02 tầng, có địa chỉ tại số nhà 60B, đường Lý Thường K, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, đất đã được UBND thị xã Đ cấp GCNQSDĐ số R 351466 ngày 03/12/2002; để đảm bảo cho Công ty TNHH V vay vốn theo các hợp đồng tín dụng mà Công ty đã ký với Ngân hàng, với hạn mức vay tối đa là 2.290.000.000 đồng.

Qua xem hợp đồng thế chấp nêu trên, bà Ng khẳng định và chịu trách nhiệm là chữ ký và chữ viết Lê Thị Ánh Ng trong Hợp đồng thế chấp số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010 tại mục “Bên A” và tại mục “Bên vay vốn” và trong đơn xin đăng ký thế chấp ngày 12/01/2010 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đ, tại mục “Bên thế chấp” không phải do bà Ng ký và viết ra, với lý do: Khi ông D còn khỏe mạnh và làm giám đốc Công ty TNHH V, bản thân bà là phụ nữ, chỉ là nội trợ lo toan cuộc sống trong gia đình, không biết gì về hoạt động kinh doanh của chồng và cũng không tham gia mà ông D tự làm, tự đăng ký và tự đứng tên Lê Thị Ánh Ng trong tất cả các giấy tờ hồ sơ của Công ty, kể cả các tài liệu chứng từ kinh doanh từ trước tới nay của Công ty, bà Ng chưa bao giờ ký và biết gì về các tài liệu giấy tờ này. Bản thân bà cũng không biết và được bàn bạc gì về việc Công ty vay vốn ở Ngân hàng nào, số tiền bao nhiêu? Ông D cũng không bàn bạc với bà về việc thế chấp tài sản nhà đất vợ chồng đang ở để vay vốn tại ngân hàng và nếu trường hợp có bàn bạc thì bản thân bà cũng không bao giờ đồng ý, vì việc kinh doanh sẽ có lúc thành công nhưng cũng có nhiều rủi ro, nếu rủi ro thì còn có chỗ ở, để nương thân tuổi già, trong khi đó vợ chồng chỉ có nhà và đất duy nhất nêu trên để sinh sống cả gia đình, nên bà có nói với chồng làm gì thì làm Công ty tự xoay xở, riêng nhà và đất của vợ chồng thì không được đụng đến. Vì đây là tài sản của cả đời người mới có được, là nơi để sinh sống của cả gia đình. Ông D bị bệnh không nhận thức được (nay ông D đã chết ngày 31/3/2021) nên bà cũng không hỏi được để biết thêm thông tin vì sao lại có hợp đồng thế chấp giả mạo nêu trên, nên bà không khẳng định chắc chắn được ai là người đã mạo danh bà ký trong hợp đồng thế chấp, để thế chấp nhà và đất của vợ chồng bà.

Tài sản nhà và đất tại địa chỉ: số 60B, đường Lý Thường K, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (hiện tại đang bị Ngân hàng giữ giấy tờ là về tài sản do có hợp đồng thế chấp giả tạo) là tài sản chung của vợ chồng bà xây dựng nên trong quá trình chung sống, là chỗ ở duy nhất để gia đình sinh sống, ngoài ra vợ chồng bà không có tài sản nào khác. Vì vậy, việc mạo danh bà để ký vào hợp đồng thế chấp tài sản này cho Công ty TNHH V vay vốn tại Ngân hàng là vi phạm pháp luật về quyền tài sản của công dân được quy định trong Bộ luật dân sự và luật Hôn nhân và gia đình. Theo quy định của pháp luật thì vợ chồng có quyền bình đẳng về

quyền tài sản, nếu một bên tự ý quyết định về tài sản chung của vợ chồng khi chưa được sự đồng ý của bên kia đều vi phạm pháp luật và không có giá trị pháp lý. Khi làm việc với đại diện Ngân hàng bà Ngà đã chỉ ra các vi phạm này và yêu cầu Ngân hàng hủy bỏ hợp đồng thế chấp để trả lại giấy tờ nhà đất đang giữ cho bà, còn việc Ngân hàng cho Công ty V vay vốn thì Công ty có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, những người tham gia vào việc ký, chứng nhận hợp đồng thế chấp nêu trên như cán bộ Ngân hàng, phòng Công chứng, Công chứng viên thì những người này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm sai trái của mình, không thể vì họ làm sai mà đưa rủi ro sang cho bản thân bà Ngà gánh chịu mất tài sản, nhưng các ý kiến đó không được phía Ngân hàng chấp nhận, buộc bà Ngà phải nhờ tới pháp luật giải quyết.

Sau khi khởi kiện tại Tòa án, với các bằng chứng như đã trình bày. Tại Tòa án, phía Ngân hàng cũng như Công chứng không chịu thừa nhận sai phạm của mình để giải quyết vụ việc một cách có tình có lý, mà lại nêu ra nhiều lý do không có căn cứ, dẫn đến vụ việc phải nhờ đến Tòa án trưng cầu giám định Viện khoa học hình sự - Bộ công an, làm kéo dài vụ việc, gây mất công sức, thời gian của các bên. Kết luận giám định số 342/C09-P5 ngày 30/10/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an kết luận: chữ ký trong hợp đồng thế chấp không phải là chữ ký của bà Ngà, Hợp đồng thế chấp số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010 đã vi phạm quyền định đoạt tài sản chung của vợ chồng quy định tại các điều 219, 223 BLDS 2005 (nay tương ứng là Điều 213, 218 BLDS 2015), Điều 28 Luật hôn nhân gia đình 2000 (nay tương ứng là Điều 29, 33 Luật hôn nhân gia đình 2014) nên bị vô hiệu toàn bộ tại thời điểm xác lập giao dịch thế chấp tài sản theo quy định tại Điều 122, 127 BLDS 2005 (nay tương ứng là Điều 117, 122 BLDS 2015 về giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự). Vì vậy, nguyên đơn giữ nguyên các yêu cầu tại đơn khởi kiện, cụ thể:

Yêu cầu Tòa án tuyên: Hợp đồng thế chấp số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010, được ký giữa: Người thế chấp ông Lê Chí D và bà Lê Thị Ánh Ngà (giả mạo). Bên nhận thế chấp là Phòng giao dịch Nguyễn Trãi - Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quảng Bình (là đơn vị được ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam). Bên vay vốn là Công ty TNHH V và nội dung đăng ký thế chấp ngày 13/01/2010 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình vô hiệu theo quy định của pháp luật.

Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Quảng Bình) là bên đang giữ các giấy tờ nhà đất trả lại cho bà Ngà Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số R 351466, vào Sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00488 QSDĐ/2362/QĐ-UB (H), do UBND thị xã Đ (nay là UBND thành phố Đ) cấp ngày 03/12/2002, đứng tên chủ sử dụng đất là Hộ ông, bà Lê Chí D và Lê Thị Ánh Ngà.

Về trách nhiệm của những người tham gia làm cho hợp đồng thế chấp nêu trên bị vô hiệu, đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật đề quy trách nhiệm cho các cá nhân và tổ chức theo quy định.

Buộc bị đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam phải hoàn trả cho các chi phí giám định mà bà Ng đã phải trả cho cơ quan giám định theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu áp dụng thời hiệu của bị đơn: Bà Ng đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bị đơn. Bởi lẽ, bà Ng khởi kiện nhằm bảo vệ quyền sở hữu tài sản của cá nhân khi bị người khác xâm phạm. Tranh chấp hợp đồng thế chấp trong trường hợp này thuộc trường hợp tranh chấp về quyền định đoạt tài sản. Đối với việc bảo vệ quyền sở hữu tài sản pháp luật dân sự không hạn chế thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu. Trong trường hợp này bà Ng không phải là một bên trong quan hệ hợp đồng, bà Ng không tham gia ký kết hợp đồng và không phải là đối tượng bị người khác lừa dối để ký vào hợp đồng thế chấp; nếu xác định bên bị lừa dối trong hợp đồng thì phải xác định Ngân hàng là bên bị lừa dối. Theo quy định tại Điều 127, 132 BLDS 2015 thì thời hiệu chỉ áp dụng đối với người bị lừa dối trong giao dịch dân sự, cụ thể ở đây là phía Ngân hàng.

Trong đơn yêu cầu độc lập ngày 16/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam trình bày:

Công ty TNHH V có MSDN: 3100404065; địa chỉ: 60B Lý Thường K, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình là khách hàng có quan hệ vay vốn tại Chi nhánh BIDV Quảng Bình - Phòng giao dịch Nguyễn Trãi (nay là Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình, gọi tắt là BIDV Quảng Bình) để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh từ 2008. Theo hồ sơ pháp lý phía Công ty cung cấp cho Chi nhánh BIDV Quảng Bình, Công ty TNHH V đăng ký kinh doanh lần đầu do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp ngày 28/03/2007. Chủ sở hữu, người đại diện theo pháp luật, chủ tịch kiêm giám đốc Công ty là bà Lê Thị Ánh Ng. Đến ngày 08/07/2009 đăng ký thay đổi lần một nhưng chủ sở hữu và người đại diện của công ty không thay đổi. Đến ngày 28/01/2011 đăng ký thay đổi lần hai, với chủ sở hữu, người đại diện theo pháp luật, chủ tịch kiêm giám đốc Công ty là ông Lê Chí D.

Để phục vụ nhu cầu vay vốn hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngày 11/01/2010, bà Lê Thị Ánh Ng và ông Lê Chí D ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010 (kèm theo xác nhận cam kết của đồng chủ sở hữu là bà Lê Thị Hồng Ph và bà Lê Thị Hồng Ch) với Ngân hàng ĐT&PT Quảng Bình - Phòng Giao dịch Nguyễn Trãi (nay là Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình). Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số R 351466, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00488 QSDĐ/2362/QĐ-UB(H) do UBND thị xã Đ ký ngày 03/12/2002 cấp cho hộ ông Lê Chí D và bà Lê Thị Ánh Ng. Hợp đồng được Công chứng ngày 12/01/2010 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Bình và được Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đ ngày 13/01/2010. Tất cả các hồ sơ liên quan về Hợp đồng thế chấp, Đăng ký giao dịch bảo đảm đều có đầy đủ chữ ký của bà Lê Thị Ánh Ng và ông Lê Chí D.

Hợp đồng thế chấp tài sản trên được xác lập trong thời gian bà Lê Thị Ánh Ng đang là chủ sở hữu, chủ tịch kiêm giám đốc Công ty TNHH V (bên vay vốn).

Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình khẳng định bà Lê Thị Ánh Ng biết có thể chấp tài sản gia đình mình để bảo đảm nợ vay cho Công ty TNHH V tại BIDV chi nhánh Quảng Bình và Hợp đồng thế chấp được xác lập, Công chứng và Đăng ký dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, được các cơ quan chức năng có thẩm quyền công nhận.

Ngày 25/9/2013, Ngân hàng đã gửi thông báo số 1762/TB-BIDV.QB ngày 19/09/2013 của BIDV Quảng Bình về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vay. Sau khi nhận được thông báo này, ngày 10/10/2013 bà Lê Thị Ánh Ng đã có văn bản trình bày ý kiến đối với thông báo việc xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010 gửi BIDV Quảng Bình, với các nội dung như sau:

Thứ nhất, bà Ng không ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của gia đình bà với BIDV Quảng Bình và các giấy tờ liên quan khác.

Thứ hai, bà Ng không biết chồng bà sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của gia đình để làm tài sản bảo đảm cho Công ty TNHH V vay tại BIDV Quảng Bình.

Thứ ba, bà Ng không đồng ý về việc BIDV Quảng Bình xử lý tài sản của gia đình theo thông báo số 1762/TB-BIDV.QB ngày 19/09/2013.

Thứ tư, nếu BIDV tiến hành xử lý tài sản của gia đình bà, bà sẽ viết đơn kiện BIDV Quảng Bình gửi Tòa án về việc hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất không có giá trị pháp lý, vô hiệu.

Ngày 05/11/2013 bà Ng tiếp tục có văn bản trình bày, xác nhận nội dung như văn bản ngày 10/10/2013.

Như vậy, bà Lê Thị Ánh Ng đã biết tài sản chung của gia đình bà bị thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010 không phải do bà ký hợp đồng thế chấp từ năm 2013, nhưng đến năm 2020 bà Ng mới khởi kiện yêu cầu tòa án tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu với lý do việc giả chữ ký bà Ng trong hợp đồng thế chấp làm cho hợp đồng vô hiệu theo quy định tại Điều 132 BLDS 2005 (nay tương ứng là Điều 127 Bộ luật dân sự 2015) là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 132 và Điều 429 Bộ luật dân sự 2015. BIDV chi nhánh Quảng Bình yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 132 và Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ng. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ng. Đồng thời chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc Công ty V thực hiện các nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng, nếu không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ bởi vì thời hiệu yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản vô hiệu đã hết, nên hợp đồng thế chấp phát sinh hiệu lực và buộc bà Ng và những người thừa kế tài sản của ông D phải thi hành. Vì vậy, Ngân hàng BIDV Quảng Bình yêu cầu Tòa án giải quyết:

Công ty TNHH V và BIDV Quảng Bình có ký Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2011/HĐ ngày 08/12/2011, thời hạn từ 08/12/2011 đến 08/12/2012. Hạn

mức cho vay 6.000.000.000 đồng. Sau đó hai bên đã ký kết các HĐTD cụ thể và được giải ngân từng lần như sau:

Hợp đồng tín dụng cụ thể 02/2012/HĐ ngày 19/03/2012 số tiền vay 450 triệu, thời hạn vay 11 tháng.

Hợp đồng tín dụng cụ thể 04/2012/HĐ ngày 16/04/2012 số tiền vay 380 triệu, thời hạn vay 11 tháng.

Hợp đồng tín dụng cụ thể 05/2012/HĐ ngày 20/04/2012, số tiền vay 290 triệu, thời hạn vay 11 tháng.

Hợp đồng tín dụng cụ thể 06/2012/HĐ ngày 14/06/2012, số tiền vay 200 triệu, thời hạn vay 11 tháng.

Hợp đồng tín dụng cụ thể 07/2012/HĐ ngày 25/06/2012, số tiền vay 600 triệu, thời hạn vay 11 tháng.

Hợp đồng tín dụng cụ thể 08/2012/HĐ ngày 24/07/2012, số tiền vay 150 triệu, thời hạn vay 11 tháng.

Hợp đồng tín dụng cụ thể 09/2012/HĐ ngày 06/08/2012, số tiền vay 250 triệu, thời hạn vay 11 tháng.

Hợp đồng tín dụng cụ thể 10/2012/HĐ ngày 13/09/2012, số tiền vay 460 triệu, thời hạn vay 11 tháng.

Hợp đồng tín dụng cụ thể 11/2012/HĐ ngày 27/09/2012, số tiền vay 500 triệu, thời hạn vay 11 tháng.

Hợp đồng tín dụng cụ thể 12/2012/HĐ ngày 07/11/2012, số tiền vay 400 triệu, thời hạn vay 11 tháng.

Hợp đồng tín dụng cụ thể 13/2012/HĐ ngày 26/11/2012, số tiền vay 450 triệu, thời hạn vay 11 tháng.

Hợp đồng tín dụng cụ thể 14/2012/HĐ ngày 05/12/2012, số tiền vay 620 triệu, thời hạn vay 11 tháng.

Tại các hợp đồng cụ thể đều thỏa thuận lãi suất vay: Lãi suất cho vay trong hạn: Bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng cộng (+) phí 3%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/01lần vào các ngày 01/3, 01/6, 01/9, 01/12 hàng năm, nhưng mọi trường hợp không thấp hơn lãi suất tối thiểu (nếu có) của Ngân hàng từng thời kỳ. Lãi suất cơ cấu: Theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (kể cả đã được điều chỉnh) tại thời điểm nợ quá hạn.

Tổng cộng tiền vay gốc tại 12 hợp đồng cụ thể là 4.750.000.000 đồng. Công ty TNHH V đã thực hiện trả lãi vay tổng cộng số tiền 238.841.248 đồng; chưa trả gốc. Hiện nay, toàn bộ dư nợ đã quá hạn, Công ty ngừng hoạt động, không có khả năng thu hồi. Tổng số tiền gốc và lãi còn nợ tại thời điểm đến ngày 27/5/2022 là: cộng gốc và lãi 11.765.583.669 đồng, trong đó nợ gốc 4.750.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.771.463.530 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.244.120.139 đồng.

Để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH V tại BIDV Quảng Bình, các bên bảo đảm đã thế chấp bảo lãnh các tài sản là:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và

tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: số 60B - Lý Thường K, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R351466, vào sổ cấp 00488 QSDĐ/2362/QĐ-UB(H) do UBND thị xã Đ cấp ngày 03/12/2002. Hợp đồng được Công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Bình ngày 12/01/2020 và Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đ ngày 13/01/2010.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2011/HĐ ngày 18/10/2011. Tài sản thế chấp là Máy đào bánh xích hiệu Komatsu PC100-3 của Công ty TNHH V, Hóa đơn GTGT số 195990 ngày 29/08/2008, Số khung PC100-19505, Số máy 6D95L-15926. Ngày 16/07/2013 ông Dũng có báo cáo giải trình về tài sản máy đào 6D95L-15926; SK PC100-19505 đã bị xiết nợ. Ngân hàng BIDV không yêu cầu xử lý.

Hiện nay Công ty TNHH V kinh doanh bị gián đoạn, thua lỗ, không có vốn để tiếp tục hoạt động kinh doanh. Vì vậy, Công ty TNHH V không còn đủ khả năng trả các khoản nợ theo các Hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng. BIDV đã dùng mọi biện pháp để yêu cầu Công ty TNHH V và các bên thế chấp bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ nhưng không nhận được sự hợp tác và phối hợp giải quyết. Vì vậy, Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết yêu cầu yêu cầu độc lập sau đây đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, cụ thể.

Buộc Công ty TNHH V phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam toàn bộ số tiền còn nợ theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên, tính đến ngày 27/5/2022 tổng cộng gốc và lãi là 11.765.583.669 đồng cùng tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng cụ thể cho đến khi Công ty TNHH V thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam.

Trường hợp Công ty TNHH V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu Tòa án tuyên, Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam có quyền chủ động hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: số 60B đường Lý Thường K, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010, Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: số 60B - Lý Thường K, phường Đ, thành phố Đ, Quảng Bình, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R351466, vào sổ cấp 00488 QSDĐ/2362/QĐ-UB(H) do UBND thị xã Đ cấp ngày 03/12/2002.

Trường hợp Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010 đã được công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Bình bị xác định có dấu hiệu giả mạo chữ ký của bà Lê Thị Ánh Ng dẫn đến Tòa án tuyên Hợp đồng thế chấp vô hiệu (một phần hoặc toàn bộ), yêu cầu Tòa án buộc Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Bình và ông Lê Chí D cùng những pháp nhân, cá nhân liên quan khác mà Tòa án xác định là có lỗi, phải liên đới bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền tương ứng với phạm vi bảo đảm tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng

đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010. Đồng thời cũng buộc ông Lê Chí D phải dùng tài sản của mình để thực hiện nghĩa vụ theo phạm vi bảo đảm của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010.

Chị Lê Thị Hồng Ph trình bày: Ông Lê Chí D - Giám đốc, Công ty TNHH V; có trụ sở tại địa chỉ: số nhà 60B, đường Lý Thường K, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình là bố của hai chị. Do ông D bị bệnh nặng về não, không nhận thức được mọi việc, nên tại Quyết định số 20/2019/QĐST-VDS ngày 12/11/2019 Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đã tuyên bố ông Lê Chí D mất năng lực hành vi dân sự và cử người đại diện theo pháp luật là Lê Thị Hồng Ph, để thực hiện nghĩa vụ giám hộ cho ông D. Chị Ph là người giám hộ cho ông D là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH V (Công ty TNHH một thành viên). Ngày 31/3/2021 ông D chết. Chị Ph cùng bà Ng (mẹ chị Ph) và em gái Lê Thị Hồng Ch là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông D đã ủy quyền cho chị Ph kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bố trong vụ án có ý kiến như sau:

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Ánh Ng yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010 vô hiệu.

Qua xem xét Hợp đồng thế chấp số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010 quan điểm của chị Ph là: Nếu xét qua về hình thức thì hợp đồng thế chấp nêu trên có đầy đủ chữ ký của bên thế chấp là ông Lê Chí D và vợ bà Lê Thị Ánh Ng. Bên nhận thế chấp là Phòng giao dịch Nguyễn Trãi - Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quảng Bình (do người đại diện theo ủy quyền ký, đóng dấu). Bên vay vốn là Công ty TNHH V (do người đại diện theo pháp luật của công ty bà Lê Thị Ánh Ng ký, đóng dấu công ty). Hợp đồng thế chấp đã được Công chứng viên chứng nhận. Nội dung hợp đồng là thế chấp tài sản nhà và đất của vợ chồng để đảm bảo cho Công ty TNHH V vay vốn theo các hợp đồng tín dụng mà công ty đã ký với ngân hàng với hạn mức vay tối đa là 2.290.000.000 đồng. Nếu chỉ xem xét qua như vậy thì đúng là hợp đồng thế chấp hoàn toàn hợp pháp. Tuy nhiên, bản chất hoàn toàn không phải như vậy, bởi lẽ. Bà Lê Thị Ánh Ng không biết và không tham gia vào hợp đồng thế chấp này. Chữ ký và chữ viết Lê Thị Ánh Ng trong Hợp đồng thế chấp số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010 tại mục “Bên A” và tại mục “Bên vay vốn” và trong đơn xin đăng ký thế chấp ngày 12/01/2010 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đ, tại mục “Bên thế chấp” không phải do bà Lê Thị Ánh Ng ký và viết ra. Kết luận giám định số 342/C09-P5 ngày 30/10/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an đã kết luận chữ ký trong hợp đồng thế chấp không phải do bà Ng ký. Theo quy định của pháp luật thì việc thế chấp tài sản thuộc sở hữu chung phải được sự đồng ý của các đồng sở hữu. Việc pháp luật quy định các bên đồng sở hữu phải ký hoặc ủy quyền cho người khác ký vào hợp đồng thế chấp để thể hiện các bên đồng sở hữu đồng ý thế chấp tài sản chung. Việc bà Ng không ký và cũng không ủy quyền cho ông D hay người khác ký hợp đồng thế chấp, điều đó thể hiện bà Ng không đồng ý với việc thế chấp tài sản. Chỉ riêng việc bà Ng không ký và cũng không ủy quyền cho người khác ký hợp đồng thế chấp đã thể hiện hợp đồng thế chấp nêu trên vi phạm pháp luật về quyền định đoạt của đồng sở hữu đối với tài sản chung và cũng không có căn cứ

nào thể hiện bà Ng đồng ý thế chấp tài sản cho Công ty vay vốn tại Ngân hàng, nên hợp đồng thế chấp nêu trên bị vô hiệu theo quy định của pháp luật. Hiện tại, ông D bị bệnh không nhận thức được và đã chết nên chị Ph cũng không có thông tin liên quan đến việc giao kết, ký kết và thực hiện hợp đồng thế chấp giả mạo nêu trên, nên không khẳng định được ai là người đã mạo danh bà Lê Thị Ánh Ng ký trong hợp đồng thế chấp và các giấy tờ khác có liên quan của Công ty. Dù là ai ký mạo danh tên bà Ng trong hợp đồng thế chấp thì trách nhiệm này thuộc về các bên, gồm: Bên ký mạo danh, bên nhận thế chấp là Ngân hàng, Công Chứng viên và Phòng công chứng.

Như các nội dung đã phân tích liên quan đến Hợp đồng thế chấp nêu trên đã có sự vi phạm pháp luật và pháp luật coi trường hợp này bị vô hiệu. Đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết, trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình nhằm đảm bảo quyền lợi của các bên. Trong đó trách nhiệm của cá nhân, tổ chức nào vi phạm pháp luật làm cho hợp đồng vô hiệu thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Về yêu cầu đòi nợ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam đối với Công ty TNHH V. Đề nghị Tòa xem xét các chứng cứ liên quan đến hợp đồng tín dụng đã ký kết để buộc Công ty TNHH V trả nợ bằng tài sản hiện có của Công ty. Bản thân chị Ph không quản lý Công ty và Công ty đã chấm dứt hoạt động từ khi ông D lâm bệnh đến nay, nên chị Ph không có nghĩa vụ trả nợ và cũng không có tài sản để trả nợ thay.

Chị Lê Thị Hồng Ch có ý kiến nhất trí như chị Ph và bà Ng trình bày trước Tòa.

Ý kiến của đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Bình và bà Hoàng Thị Lệ H công chứng viên) trình bày:

Ngày 12/01/2010, Công chứng viên Phòng Công chứng số 1 đã chứng nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số công chứng 45, quyền số 01 TP/CC - SCC/ HĐGDK được giao kết giữa bên thế chấp là ông Lê Chí D và bà Lê Thị Ánh Ng, địa chỉ: 60B Lý Thường K, Đồng Hới, Quảng Bình. Bên nhận thế chấp là Phòng Giao dịch Nguyễn Trãi - Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và phát triển Quảng Bình do ông Nguyễn Xuân D, chức vụ: Giám đốc đại diện ký kết hợp đồng. Bên vay là Công ty TNHH V, do bà Lê Thị Ánh Ng, Giám đốc Công ty đại diện ký kết hợp đồng theo đúng quy định pháp luật. Tại thời điểm công chứng, Công chứng viên Phòng Công chứng số 1 đã thực hiện việc công chứng Hợp đồng nói trên theo đúng quy định của pháp luật cụ thể. Khi đến yêu cầu công chứng, ông Lê Chí D, bà Lê Thị Ánh Ng và Công ty TNHH V đã xuất trình bản chính hồ sơ yêu cầu công chứng và Công chứng viên đã kiểm tra tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba, giấy chứng minh nhân dân của ông Lê Chí D và bà Lê Thị Ánh Ng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH V, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 351466 do UBND thị xã (nay là thành phố) Đ cấp ngày 03/12/2002 đứng tên hộ ông, bà Lê Chí D - Lê Thị Ánh Ng. Đồng thời, Công

chứng viên đã kiểm tra nội dung các điều khoản trong hợp đồng phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội, kiểm tra năng lực hành vi dân sự của người yêu cầu công chứng. Tại thời điểm công chứng, các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, mục đích nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, chữ ký và con dấu trong hợp đồng là đúng chữ ký, con dấu của người và của tổ chức tham gia ký hợp đồng nên công chứng viên đã chứng nhận Hợp đồng. Như vậy, Công chứng viên chứng nhận hợp đồng nói trên là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng thế chấp nói trên hoàn toàn có hiệu lực thi hành đối với các bên liên quan. Vì vậy, Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Bình không chịu trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình.

Tại Bản án sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 74, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Áp dụng các Điều 688, 312, 149, 150, 429 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 184, điểm e khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đình chỉ giải quyết một phần đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ánh Ng về yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ 3 số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010 vô hiệu, do bị đơn có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi và đã hết thời hiệu khởi kiện.

Đối với yêu cầu độc lập của bị đơn: Áp dụng khoản 3 Điều 78 Luật doanh nghiệp 2020, các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 306 của Luật Thương mại 2005; Các Điều 318, 342, 343, 344, 348, 349, 350, 352, 353, 355, 471, 474, 476, 721 của Bộ luật Dân sự 2005; Các Điều 166, 167, 179 của Luật đất đai 2013, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam buộc Công ty TNHH V phải trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền 10.966.869.085 đồng (bao gồm toàn bộ nợ gốc 4.750.000.000 đồng, tiền lãi (tính đến ngày 07/5/2021), lãi trong hạn còn nợ 4.750.000.000 đồng, lãi quá hạn 1.977.881.944 đồng).

Kể từ ngày 08/5/2021 cho đến khi trả hết nợ gốc, bên phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất tại các hợp đồng tín dụng cụ thể số 02/2012/HĐ ngày 19/03/2012, số 04/2012/HĐ ngày 16/04/2012, số 05/2012/HĐ ngày 20/04/2012, số 06/2012/HĐ ngày 14/06/2012, số 07/2012/HĐ ngày 25/06/2012, số 08/2012/HĐ ngày 24/07/2012, số 09/2012/HĐ ngày 06/08/2012, số 10/2012/HĐ ngày 13/09/2012, số 11/2012/HĐ ngày 27/09/2012, số 12/2012/HĐ ngày 07/11/2012, số 13/2012/HĐ ngày 26/11/2012, số 14/2012/HĐ ngày 05/12/2012.

Trường hợp Công ty TNHH V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. BIDV Quảng Bình có quyền chủ động hoặc yêu cầu cơ quan thi

hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ: số 60B đường Lý Thường K, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ: số 60B đường Lý Thường K, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R351466, số vào sổ cấp 00488 QSDĐ/2362/QĐ-UB(H) do UBND thành phố Đ cấp ngày 03/12/2002 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc đã vay và số tiền lãi phát sinh tại các hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐ ngày 19/03/2012 số tiền vay 450.000.000 đồng, số 04/2012/HĐ ngày 16/04/2012 số tiền vay 380.000.000 đồng, số 07/2012/HĐ ngày 25/06/2012 số tiền vay 600.000.000 đồng, số 12/2012/HĐ ngày 07/11/2012 số tiền vay 400.000.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc 2.290.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh từ các hợp đồng cụ thể này (tính đến ngày 07/5/2021) là 3.163.955.528 đồng, trong đó lãi trong hạn là 2.147.224.973 đồng, lãi quá hạn 1.016.730.556 đồng cùng tiền lãi phát sinh trên nợ gốc của các hợp đồng này kể từ ngày 08/5/2021 cho đến khi thi hành xong.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 21/5/2021, nguyên đơn bà Lê Thị Ánh Ng kháng cáo bản án sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xem xét các nội dung sau: Tòa án sơ thẩm xác định BIDV là bị đơn trong vụ án là không đúng vì bà khởi kiện yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, do đó là việc dân sự theo Điều 6 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà khởi kiện yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự, nhưng Tòa án sơ thẩm áp dụng thời hiệu để đình chỉ yêu cầu của bà là không đúng. Tòa án sơ thẩm buộc bà phải chịu tiền chi phí giám định là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại Bản án phúc thẩm số 28/2021/DS-PT ngày 18/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự:

Hủy Bản án sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ về tranh chấp hợp đồng thế chấp tài sản, tranh chấp hợp đồng tín dụng, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của bên thứ ba, yêu cầu bồi thường thiệt hại, giữa nguyên đơn bà Lê Thị Ánh Ng và bị đơn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH V, ông Lê Chí D, Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Bình và bà Hoàng Thị Lệ H. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 74, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 318, 342, 343, 344, 348, 349, 350, 352, 353, 355, 471, 474, 476, 721 của Bộ luật Dân sự 2005; Các Điều 688, 124, khoản 3 Điều 132 Bộ luật dân sự 2015;

Khoản 3 Điều 78 Luật doanh nghiệp 2020; Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 306 của Luật Thương mại 2005; Các Điều 166, 167, 179 của Luật đất đai 2013 xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ánh Ng về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010 được ký kết giữa: Bên thế chấp ông Lê Chí D và bà Lê Thị Ánh Ng (kèm theo xác nhận cam kết của đồng chủ sở hữu là bà Lê Thị Hồng Ph và bà Lê Thị Hồng Ch). Bên nhận thế chấp là Phòng giao dịch Nguyễn Trãi - Chi nhánh Ngân hàng đầu tư và Phát triển Quảng Bình (là đơn vị được ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam). Bên vay là Công ty TNHH V, vô hiệu.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Buộc Công ty TNHH V phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền gốc và lãi trong hạn, quá hạn tính đến ngày 27/5/2022 với tổng số tiền là 11.765.583.669 đồng (*mười một tỷ, bảy trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi ba ngàn, sáu trăm sáu mươi chín đồng*), trong đó nợ gốc 4.750.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.771.463.530 đồng; nợ lãi quá hạn là 2.244.120.139 đồng.

Kể từ ngày 28/5/2022 cho đến khi trả hết nợ gốc, bên phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất tại các hợp đồng tín dụng cụ thể số 02/2012/HĐ ngày 19/03/2012, số 04/2012/HĐ ngày 16/04/2012, số 05/2012/HĐ ngày 20/04/2012, số 06/2012/HĐ ngày 14/06/2012, số 07/2012/HĐ ngày 25/06/2012, số 08/2012/HĐ ngày 24/07/2012, số 09/2012/HĐ ngày 06/08/2012, số 10/2012/HĐ ngày 13/09/2012, số 11/2012/HĐ ngày 27/09/2012, số 12/2012/HĐ ngày 07/11/2012, số 13/2012/HĐ ngày 26/11/2012, số 14/2012/HĐ ngày 05/12/2012.

3. Trường hợp Công ty TNHH V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: số 60B đường Lý Thường K, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 48, diện tích 128,7m², địa chỉ thửa đất số 60B Lý Thường K, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp 00488 QSDĐ/2362/QĐ-UB(H) do UBND thị xã Đ (nay UBND thành phố Đ) cấp ngày 03/12/2002 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi bảo lãnh nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 27/5/2022 là 5.859.809.694 đồng (*năm tỷ, tám trăm năm mươi chín triệu đồng, tám trăm linh chín ngàn, sáu trăm chín mươi bốn đồng*) (Trong tổng số tiền 11.765.583.669 đồng Công ty TNHH V phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam), trong đó nợ gốc 2.290.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 2.417.794.417 đồng, nợ lãi quá hạn 1.152.015.277 đồng, cùng tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc của các hợp đồng số

02/2012/HĐ ngày 19/3/2012; Hợp đồng số 04/2012/HĐ ngày 16/4/2012; Hợp đồng số 07/2012/HĐ ngày 25/6/2012; Hợp đồng số 10/2012/HĐ ngày 13/9/2012; Hợp đồng số 12/2012/HĐ ngày 7/11/2012, kể từ ngày 28/5/2022 cho đến khi thi hành xong.

4. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam để đình chỉ giải quyết (do hết thời hiệu khởi kiện) yêu cầu của bà Lê Thị Ánh Ng tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010 được ký kết giữa Bên thế chấp ông Lê Chí D và bà Lê Thị Ánh Ng (kèm theo xác nhận cam kết của đồng chủ sở hữu là bà Lê Thị Hồng Ph và bà Lê Thị Hồng Ch). Bên nhận thế chấp là Phòng giao dịch Nguyễn Trãi - Chi nhánh Ngân hàng đầu tư và Phát triển Quảng Bình (là đơn vị được ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam). Bên vay là Công ty TNHH V, vô hiệu.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 03/6/2022 nguyên đơn bà Lê Thị Ánh Ng và người người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lê Chí D, chị Lê Thị Hồng Ph kháng cáo với nội dung: kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ.

Ngày 22/6/2022 và ngày 14/7/2022 nguyên đơn kháng cáo bổ sung với nội dung: Bản án sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng thế chấp tài sản và xác định BIDV là bị đơn trong vụ án là không đúng. Vì, bà khởi kiện yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, đây là việc dân sự theo Điều 6 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn là Văn phòng công chứng số 1, Sở tư pháp tỉnh Quảng Bình. Toà án sơ thẩm buộc bà phải chịu tiền chi phí giám định là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án sơ thẩm chưa triệu tập đầy đủ các đương sự trong vụ án.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, chị Lê Thị Hồng Ch có đơn yêu cầu giám định. Ngày 17/11/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình ra Quyết định trưng cầu giám định lại chữ ký và chữ viết của bà Lê Thị Ánh Ng và chữ ký, chữ viết của chị Lê Thị Hồng Ch, tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010. Tại kết luận giám định số 1278/KL-KTHS ngày 25/11/2022 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận: không đủ cơ sở kết luận chữ ký của bà Lê Thị Ánh Ng. Tại kết luận giám định số 1276/KL-KTHS ngày 02/12/2022 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận: Chữ ký “Ch” và chữ viết “Lê Thị Hồng Ch” không phải do cùng một người viết ra.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình có quan điểm:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí. Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo quy định

của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về Quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn bà Lê Thị Ánh Ng. Sửa Bản án sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- Chấp nhận một phần khởi kiện của bà Lê Thị Ánh Ng tuyên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010 vô hiệu phần thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Lê Thị Ánh Ng, chị Lê Thị Hồng Ch.

- Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để đình chỉ giải quyết khởi kiện của bà Lê Thị Ánh Ng (do hết thời hiệu khởi kiện).

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam buộc Công ty TNHH V phải trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền gốc và lãi trong hạn, quá hạn tính đến ngày 27/5/2022 với tổng số tiền là 11.765.583.669 đồng, trong đó nợ gốc 4.750.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.771.463.530 đồng; nợ lãi quá hạn là 2.244.120.139 đồng.

Buộc người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lê Chí D dùng phần tài sản ông D để lại thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ của Công ty TNHH Vĩnh Phú trong phạm vi số vốn góp 6,5 tỷ đồng.

Trường hợp Công ty TNHH V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, BIDV Quảng Bình có quyền chủ động hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 60B đường Lý Thường K, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 02/2010/11Đ ngày 11/01/2010. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 60B - Lý Thường K, phường Đ, thành phố Đ, Quảng Bình, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R351466, vào sổ cấp 00488 QSDĐ/2362/QĐ-UB(H) do UBND thị xã Đồng Hới cấp ngày 03/12/2002; để thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc đã vay và tiền lãi phát sinh tại các hợp đồng tín dụng cụ thể số 02/2012/HD ngày 19/3/2012 số tiền vay 450.000.000 đồng; 04/2012/10 ngày 16/4/2012 số tiền với 380.000.000 đồng; 07/2012/HĐ ngày 25/6/2012 số tiền vay 600.000.000 đồng 10/2012/HĐ ngày 13/9/2012 số tiền vay 460.000,000 đồng; 12/2012/HĐ ngày 7/11/2012 số tiền vay 400.000.000 đồng; Tổng cộng: tiền gốc 2.290000 đồng, tiền lãi phát sinh từ các hợp đồng cụ thể này (tính đến ngày 07/5/2021) là 3.163.955.528 đồng.

Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 60B đường Lý Thường K, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010 thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có trách nhiệm trả phần giá trị tài sản nhà, đất của bà Ng, phần giá trị tài sản đất của chị Ch tại thời điểm phát mại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 03/6/2022 nguyên đơn bà Lê Thị Ánh Ng và người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lê Chí D, chị Lê Thị Hồng Ph làm đơn kháng cáo, đơn kháng cáo làm trong hạn luật định, người kháng cáo, nội dung, hình thức kháng cáo phù hợp theo quy định của pháp luật và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm là phù hợp với quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp giữa các đương sự: Nguyên đơn yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản vô hiệu; còn bị đơn là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (viết tắt Ngân hàng BIDV) yêu cầu độc lập về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Vì vậy, cần xác định đây là tranh chấp Hợp đồng thế chấp tài sản và Hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3, 9 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới thụ lý giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phòng Công chứng số 1, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Hoàng Thị Lệ H Công chứng viên phòng Công chứng số 1 vắng mặt nhưng được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2] Xét yêu cầu của bị đơn Ngân hàng BIDV đề nghị đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Ánh Ng do đã hết thời hiệu khởi kiện thấy: Đây là tranh chấp Hợp đồng thế chấp tài sản liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của bà Ng, chị Ph và chị Ch, có liên quan đến yêu cầu độc lập của Ngân hàng BIDV về tranh chấp Hợp đồng tín dụng đối với Công ty TNHH V, nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 155 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng BIDV về đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn do hết thời hiệu là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Ánh Ng và người thừa kế quyền, nghĩa vụ chị Lê Thị Hồng Ph, Hội đồng xét xử thấy:

Xét việc giao kết Hợp đồng thế chấp 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010, được ký kết giữa: Bên thế chấp ông Lê Chí D, bà Lê Thị Ánh Ng (kèm theo xác nhận cam kết của đồng chủ sở hữu là chị Lê Thị Hồng Ph và chị Lê Thị Hồng Ch). Bên nhận thế chấp là Phòng giao dịch Nguyễn Trãi - Chi nhánh Ngân hàng BIDV Quảng Bình (là đơn vị được ủy quyền của Ngân hàng BIDV). Bên vay là Công ty TNHH V, do ông Lê Chí D làm giám đốc, đã được các bên tham gia ký kết đầy đủ, được Công chứng tại Văn phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, các đương sự có đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trong hợp đồng đã ký kết. Tại kết luận giám định số 342/C09-P5 ngày 30/10/2020

của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận. Chữ ký và chữ viết trong Hợp đồng thế chấp và đăng ký tài sản thế chấp không phải là chữ ký và chữ viết của bà Ng và Tại kết luận giám định số 1276/KL-KTHS ngày 02/12/2022 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận: Chữ ký và chữ viết trong Hợp đồng thế chấp và đăng ký tài sản thế chấp không phải chữ ký, chữ viết của chị Ch. Do đó, có căn cứ xác định, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của hộ ông D, bà Ng mà ông D đưa đi thế chấp cho Ngân hàng BIDV để vay tiền cho Công Ty TNHH V, do ông D làm giám đốc hoạt động là tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình ông D, bà Ng, nên việc định đoạt tài sản chung phải được các viên trong hộ từ đủ 15 tuổi trở lên đồng ý. Vì vậy, khi thực hiện các quyền về tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phải được sự đồng ý, nhất trí của các thành viên hộ gia đình. Tuy nhiên, khi ông Dũng đưa tài sản chung của hộ gia đình để thế chấp cho Công ty TNHH V do ông D làm Giám đốc vay Ngân hàng, chưa được sự nhất trí, đồng ý của bà Ng, chị Ch. Thể hiện tại hợp đồng thế chấp tài sản cho bên thứ ba không phải chữ ký của bà Ng và chị Ch mà do một người nào đó giả danh ký. Nay ông Dũng đã chết nên không làm rõ được ai là người giả danh ký. Vì vậy, cần xác định Hợp đồng thế chấp số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010 mà các bên ký kết là vô hiệu, nên không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập theo quy định tại các Điều 127, 137 Bộ luật dân sự năm 2005 (tương ứng với các Điều 122, 131 Bộ luật dân sự năm 2015).

[4] Xét yêu cầu độc lập của bị đơn Ngân hàng BIDV về việc yêu cầu Công ty TNHH V phải trả tổng số tính đến ngày 27/5/2022 là 11.765.583.669 đồng, trong đó tiền gốc 4.750.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 4.771.463.530 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.244.120.139 đồng.

Xét Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2011/HĐ ngày 08/12/2011 ký kết giữa BIDV Quảng Bình và Công ty TNHH Vĩnh Phú, thời hạn từ 08/12/2011 đến 08/12/2012; hạn mức cho vay 6.000.000.000 đồng và 12 Hợp đồng tín dụng cụ thể được giải ngân từng lần mà Ngân hàng BIDV ký kết với Công ty TNHH V do người có thẩm quyền của hai bên ký kết, hình thức, nội dung tuân theo các quy định của pháp luật, Công ty TNHH V có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cơ quan có thẩm quyền cấp. Để vay vốn Ngân hàng, Công ty có phương án sản xuất kinh doanh. Ngân hàng đã thẩm định, xét duyệt trước khi ký kết hợp đồng. Ngân hàng BIDV đã giải ngân cho Công ty TNHH V từng lần theo hạn mức tín dụng hai bên đã ký kết. Công ty TNHH V đã nhận đủ số tiền mà Ngân hàng giải ngân. Vì vậy, Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2011/HĐ ngày 08/12/2011 và 12 Hợp đồng tín dụng cụ thể được giải ngân từng lần mà Ngân hàng BIDV ký kết với Công ty TNHH V có hiệu lực thi hành, nên các bên giao kết hợp đồng phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 121, 122, 123, 124, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005 (tương ứng với các Điều 116, 117, 118, 119, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015). Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH V đã thực hiện trả lãi vay tổng cộng số tiền 238.841.248 đồng. Tính đến ngày 27/5/2022 vẫn còn số tiền nợ gốc 4.750.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.771.463.530 đồng; nợ lãi quá hạn là 2.244.120.139 đồng. Tổng cộng gốc và lãi

11.765.583.669 đồng. Toàn bộ khoản vay đã quá hạn, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH V phải thanh toán toàn bộ nợ gốc, nợ lãi trong hạn, quá hạn theo các Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Số tiền nợ lãi Ngân hàng BIDV đã tính đúng như lãi suất đã thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, các bên đương sự không có ý kiến gì.

Tuy nhiên, Công ty TNHH V là Công ty TNHH 1 thành viên, ông Lê Chí D là giám đốc làm chủ sở hữu, nên phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác của Công ty trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty theo quy định tại các Điều 63, 64, 65 Luật Doanh nghiệp 2005, các Điều 73, 74, 75, 76, 77 Luật Doanh nghiệp năm 2014, các Điều 74, 76, 77, 78 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Trong thời gian ông D bị bệnh và bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, Công ty không hoạt động, nhưng ông D hoặc người đại diện theo pháp luật của ông D, chị Lê Thị Hồng Ph, cũng như những người thừa kế theo pháp luật của ông D không tiến hành làm thủ tục giải thể hoặc tuyên bố phá sản Công ty theo quy định của pháp luật. Ngày 31/3/2021 ông Lê Chí D chết không để lại di chúc, nên những người thừa kế theo pháp luật là chủ sở hữu của Công ty (người thừa kế theo pháp luật của ông Lê Chí D là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm bà Lê Thị Ánh Ng, chị Lê Thị Hồng Ph và chị Lê Thị Hồng Ch theo quy định tại khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015), những người thừa kế không có văn bản từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế, Công ty chưa bị giải thể hoặc bị phá sản theo quy định của pháp luật. Do đó, người thừa kế theo pháp luật của ông D gồm bà Ng, chị Ph và chị Ch là chủ sở hữu của Công ty TNHH V. Do đó, bà Ng, chị Ph và chị Ch phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty TNHH V trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty TNHH V là 6.500.000.000 đồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Vì vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của Ngân hàng BIDV để buộc Công ty TNHH V (do bà Ng, chị Ph và chị Ch là chủ sở hữu) phải thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng BIDV trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty TNHH V số tiền 6.500.000.000 đồng trên tổng số tiền tính đến ngày 27/5/2022 là 11.765.583.661 đồng (trong đó tiền gốc 4.750.000.000 đồng, lãi trong hạn 4.771.463.530 đồng, lãi quá hạn 2.244.120.139 đồng) là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[5] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm cho Công ty TNHH V của Ngân hàng BIDV theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010 được các bên ký kết thấy:

Theo phân tích, nhận định ở mục [3]. Có căn cứ xác định Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010 mà các bên đã ký kết là vô hiệu kể từ thời điểm ký kết, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Tuy nhiên, theo phân tích, nhận định ở phần [4]. Có căn cứ xác định bà Lê Thị Ánh Ng, chị Lê Thị Hồng Ph và chị Lê Thị Hồng Ch là chủ sở hữu của Công ty TNHH V, nên phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ của Công ty TNHH V đối với Ngân hàng BIDV trong phạm vi 6.500.000.000 đồng (số vốn điều lệ của Công ty TNHH V đã đăng ký). Vì vậy, cần buộc bà Lê Thị Ánh Ng, chị Lê Thị Hồng Ph và chị Lê Thị Hồng Ch phải liên đới thanh toán cho Ngân

hàng BIDV số tiền 6.500.000.000 đồng. Trường hợp bà Ng, chị Ph và chị Ch không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản là Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R351466, vào sổ cấp 00488 QSDĐ/2362/QĐ-UB(H) do UBND thị xã Đ (nay UBND thành phố Đ) cấp ngày 03/12/2002, mang tên chủ sử dụng đất là hộ ông, bà Lê Chí D và Lê Thị Ánh Ng, tại địa chỉ số 60B đường Lý Thường K, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình và các tài sản khác nếu chứng minh được để thực hiện nghĩa vụ của Công ty TNHH V đối với Ngân hàng BIDV trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty TNHH V đã đăng ký.

Từ phân tích và nhận định trên, Tòa cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Ánh Ng là chưa đủ căn cứ. Vì vậy, cần sửa bản án sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ánh Ng. Tuyên bố, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010, vô hiệu. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bị đơn Ngân hàng BIDV. Buộc Công ty TNHH V, chủ sở hữu theo pháp luật bà Lê Thị Ánh Ng, chị Lê Thị Hồng Ph và chị Lê Thị Hồng Ch phải thanh toán cho Ngân hàng BIDV số tiền 6.500.000.000 đồng (Sáu tỷ năm trăm triệu đồng) trên tổng số tiền tính đến ngày 27/5/2022 là 11.765.583.661 đồng (trong đó tiền gốc 4.750.000.000 đồng, lãi trong hạn 4.771.463.530 đồng, lãi quá hạn 2.244.120.139 đồng) mà Ngân hàng BIDV yêu cầu. Trường hợp bà Ng, chị Ph và chị Ch không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản là Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R351466, vào sổ cấp 00488 QSDĐ/2362/QĐ-UB(H) do UBND thị xã Đ (nay UBND thành phố Đ) cấp ngày 03/12/2002, mang tên chủ sử dụng đất là hộ ông, bà Lê Chí D và Lê Thị Ánh Ng, tại địa chỉ số 60B đường Lý Thường K, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình và các tài sản khác nếu chứng minh được để thực hiện nghĩa vụ của Công ty TNHH V đối với Ngân hàng BIDV trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty TNHH V đã đăng ký.

[6] Chi phí tố tụng:

Bà Ng có cung cấp kết luận giám định chữ ký, chữ viết của Viện khoa học hình sự Bộ Công an. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết và tại phiên toà bà Ng không xuất trình phiếu thu tiền của Viện khoa học hình sự Bộ Công an để xác định số tiền đã nộp, nên Toà án không xem xét giải quyết.

Chị Lê Thị Hồng Ch đã nộp chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Kết luận giám định có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị Ch. Vì vậy, chị Ch không phải chịu chi phí giám định, nên cần buộc Ngân hàng BIDV phải nộp lại chi phí giám định để trả cho chị Lê Thị Hồng Ch.

[7] Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn bà Ng và người thừa kế quyền và nghĩa vụ chị Lê Thị Hồng Ph kháng cáo được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận, nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Về án phí sơ thẩm:

- Về án phí sơ thẩm không có giá ngạch: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ánh Ng được Tòa án chấp nhận, nên không phải chịu án phí sơ thẩm. Ngân hàng BIDV phải chịu án phí sơ thẩm.

- Về án phí sơ thẩm có giá ngạch:

Những người thừa kế theo pháp luật của Công ty TNHH V, bà Lê Thị Ánh Ng, chị Lê Thị Hồng Ph và chị Lê Thị Hồng Ch phải chịu án phí phần Tòa án buộc phải trả cho Ngân hàng BIDV.

Ngân hàng BIDV phải chịu phần án phí về yêu cầu của Ngân hàng BIDV, không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 74, Điều 147, 148, 161, 184, các Điều 272, Điều 273, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 121, 122, 123, 124, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 116, 117, 118, 119, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 3 Điều 155, khoản 1 Điều 651 Luật dân sự năm 2015; Điều 306 Luật thương mại năm 2005; các Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 63, 64, 65 Luật Doanh nghiệp 2005, các Điều 73, 74, 75, 76, 77 Luật Doanh nghiệp năm 2014, các Điều 74, 76, 77, 78 Luật Doanh nghiệp năm 2020; các Điều 166, 167, 179 của Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án, Tuyên xử.

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Ánh Ng và người thừa kế quyền, nghĩa vụ chị Lê Thị Hồng Ph. Sửa Bản án sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ánh Ng. Tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010 được ký kết giữa: Bên thế chấp ông Lê Chí D và bà Lê Thị Ánh Ng (kèm theo xác nhận cam kết của đồng chủ sở hữu là bà Lê Thị Hồng Ph và bà Lê Thị Hồng Ch); Bên nhận thế chấp là Phòng giao dịch Nguyễn Trãi - Chi nhánh Ngân hàng đầu tư và Phát triển Quảng Bình (là đơn vị được ủy quyền của Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam); Bên vay Công ty TNHH V, vô hiệu.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Buộc Công ty TNHH V (Người thừa kế theo pháp luật bà Lê Thị Ánh Ng, chị Lê Thị Hồng Ph và chị Lê Thị Hồng Ch là chủ sở hữu của Công ty) phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền 6.500.000.000 đồng (*Sáu tỷ năm trăm triệu đồng*) trong đó nợ gốc 4.750.000.000 đồng và lãi 1.750.000.000 đồng trên tổng số tiền tính đến ngày 27/5/2022 là 11.765.583.669 đồng (*mười một tỷ, bảy trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi ba ngàn, sáu trăm sáu mươi chín đồng*), trong đó nợ gốc

4.750.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.771.463.530 đồng; nợ lãi quá hạn là 2.244.120.139 đồng.

Kể từ ngày 28/5/2022 cho đến khi trả hết nợ gốc, bên phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất tại các hợp đồng tín dụng cụ thể số 02/2012/HĐ ngày 19/03/2012, số 04/2012/HĐ ngày 16/04/2012, số 05/2012/HĐ ngày 20/04/2012, số 06/2012/HĐ ngày 14/06/2012, số 07/2012/HĐ ngày 25/06/2012, số 08/2012/HĐ ngày 24/07/2012, số 09/2012/HĐ ngày 06/08/2012, số 10/2012/HĐ ngày 13/09/2012, số 11/2012/HĐ ngày 27/09/2012, số 12/2012/HĐ ngày 07/11/2012, số 13/2012/HĐ ngày 26/11/2012, số 14/2012/HĐ ngày 05/12/2012.

Trường hợp Công ty TNHH V (Người thừa kế theo pháp luật bà Lê Thị Ánh Ng, chị Lê Thị Hồng Ph và chị Lê Thị Hồng Ch là chủ sở hữu của Công ty) không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, thì Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 48, diện tích 128,7m², địa chỉ: số 60B Lý Thường K, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R351466, vào sổ cấp 00488 QSDĐ/2362/QĐ-UB(H) do UBND thị xã Đ (nay UBND thành phố Đ) cấp ngày 03/12/2002 cho hộ ông, bà Lê Chí D, Lê Thị Ánh Ng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền 6.500.000.000 đồng (*Sáu tỷ năm trăm triệu đồng*) tương ứng vốn điều lệ của Công ty TNHH V đã đăng ký, kể từ ngày 28/5/2022 cho đến khi thi hành xong.

4. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam về việc đình chỉ giải quyết yêu cầu của Nguyên đơn bà Lê Thị Ánh Ng tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010 được ký kết giữa: Bên thế chấp ông Lê Chí D và bà Lê Thị Ánh Ng (kèm theo xác nhận cam kết của đồng chủ sở hữu là bà Lê Thị Hồng Ph và bà Lê Thị Hồng Ch); Bên nhận thế chấp là Phòng giao dịch Nguyễn Trãi - Chi nhánh Ngân hàng đầu tư và Phát triển Quảng Bình (là đơn vị được ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam); Bên vay là Công ty TNHH V, hết thời hiệu khởi kiện.

5. Chi phí giám định: Chị Lê Thị Hồng Ch không phải chịu. Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam phải nộp lại số tiền 3.450.000 đồng để trả lại cho chị Lê Thị Hồng Ch.

6. Về án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị Ánh Ng và chị Lê Thị Hồng Ph không phải chịu án phí phúc thẩm.

7. Về án phí sơ thẩm:

Bà Lê Thị Ánh Ng không phải chịu án phí sơ thẩm.

Những người thừa kế theo pháp luật của Công ty TNHH V, bà Lê Thị Ánh Ng, chị Lê Thị Hồng Ph và chị Lê Thị Hồng Ch phải chịu 114.500.000 đồng có giá ngạch, nhưng được trừ số tiền 900.000 đồng bà Ng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ theo các biên lai số 0006374 ngày 05/3/2020;

biên lai số 0001944 ngày 21/5/2021; biên lai số 0001204 ngày 08/6/2022 và 300.000 đồng chị Phương đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ theo biên lai số 0001203, ngày 08/6/2022.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam phải chịu 300.000 đồng án phí không có giá ngạch và 113.265.583 đồng án phí có giá ngạch, nhưng được trừ số tiền 59.147.400 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo biên lai số 0006345 ngày 20/8/2020.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án

Nơi nhân:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh QB (P9);
- TANDTP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP.Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Viết Hải